

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN NHIỆM VIỆC ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI THƯỜNG LĨNH, BÀT KỈNH PHÒNG HỘ, BÀT KỈNH BẮC ĐƯƠNG, THƯỜNG QUẬN BẮC SƠN, BẮC SƠN THỊ TRẤN BẮC SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012)



STT	Họ và tên	Hội đồng bầu cử																												Số lượng đơn khiếu nại	Ghi chú		
		Thường dân														Thường phòng hộ dân																	
		Tên	TT	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ				
1	Ông Nguyễn Văn Đức	1001	1002	1003	1004	1005	1006	1007	1008	1009	1010	1011	1012	1013	1014	1015	1016	1017	1018	1019	1020	1021	1022	1023	1024	1025	1026	1027	1028	1029	1030	0	Ông Nguyễn Văn Đức là thành viên Hội đồng bầu cử Thường dân và Thường phòng hộ dân.
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	1031	1032	1033	1034	1035	1036	1037	1038	1039	1040	1041	1042	1043	1044	1045	1046	1047	1048	1049	1050	1051	1052	1053	1054	1055	1056	1057	1058	1059	1060	0	Ông Nguyễn Văn Hùng là thành viên Hội đồng bầu cử Thường dân và Thường phòng hộ dân.
3	Ông Nguyễn Văn Cường	1061	1062	1063	1064	1065	1066	1067	1068	1069	1070	1071	1072	1073	1074	1075	1076	1077	1078	1079	1080	1081	1082	1083	1084	1085	1086	1087	1088	1089	1090	0	Ông Nguyễn Văn Cường là thành viên Hội đồng bầu cử Thường dân và Thường phòng hộ dân.
4	Ông Nguyễn Văn Minh	1091	1092	1093	1094	1095	1096	1097	1098	1099	1100	1101	1102	1103	1104	1105	1106	1107	1108	1109	1110	1111	1112	1113	1114	1115	1116	1117	1118	1119	1120	0	Ông Nguyễn Văn Minh là thành viên Hội đồng bầu cử Thường dân và Thường phòng hộ dân.



NHU CẦU CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẶT RỪNG PHÒNG HỘ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Tờ trình số **158/TKP-UBND** ngày **22/9/2022** của UBND tỉnh)



STT	Huyện	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đăng ký chuyên	Đất lúa (ha)		Diện tích đăng ký chuyên	Đất rừng phòng hộ (ha)	
					Số sánh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt	Chỉ tiêu còn lại		Số sánh chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt	Chỉ tiêu còn lại
					Chỉ tiêu chưa thực hiện chuyên mục đích	Chỉ tiêu còn lại		Chỉ tiêu chưa thực hiện chuyên mục đích	Chỉ tiêu còn lại
1	Huyện Tư Nghĩa	2	12,86	4,62	1138,88	1134,26		8,93	8,93
2	Huyện Minh Long	0	0	0,00	34,47	34,47		13,47	13,47
3	Huyện Sơn Tịnh	7	27,66	5,13	716,90	711,77		0,00	0,00
4	Huyện Bình Sơn	2	1,812	0,22	1418,26	1418,04		2,25	2,25
5	Huyện Trà Bồng	0	0	0,00	98,18	98,18		265,07	265,07
6	Huyện Sơn Hà	3	2,51665	0,55	248,23	247,68	0,00362	29,04	29,03638
7	Huyện Ba Tơ	2	10,72	5,67	108,1	102,43		79,87	79,87
8	Huyện Nghĩa Hành	3	8,72	3,98	238,97	234,99		0,00	0,00
9	Huyện Sơn Tây	0	0	0,00	35,79	35,79		34,01	34,01
10	Thành phố	1	13,75	1,05	1483,74	1482,69		1,70	1,70
11	Huyện Mộ Đức	3	15,49	0,16	641,94	641,78		9,40	9,40
12	TX Đức Phổ	24	199,78	83,39	864,84	781,45		51,34	51,34
13	Huyện Lý Sơn	0	0	0,00	0	0,00		1,50	1,50
Tổng		47	293,30865	104,7678	7028,30	6923,53	0,00	496,58	496,57



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.9 kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.9 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2022 đối với các công trình theo Biểu 03 và các Biểu từ 3.1 đến 3.4 kèm theo Nghị quyết.

2. Điều chỉnh thông tin công trình, dự án (Chi tiết theo Biểu 04 và các Biểu từ 4.1 đến 4.3 kèm theo Nghị quyết).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBNDQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHHND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTT tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 01:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Chỉ chú
1	Huyện Sơn Tịnh	9	43,96	41800,0	Biểu 1.1
2	Huyện Tư Nghĩa	5	48,1	51120,0	Biểu 1.2
3	Huyện Mộ Đức	2	0,19	1660,0	Biểu 1.3
4	Huyện Sơn Hà	7	6,596	8800,0	Biểu 1.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	6	193,14	269449,0	Biểu 1.5
6	Huyện Nghĩa Hành	3	36,38	36300,0	Biểu 1.6
7	Thị xã Đức Phổ	3	20	42117,8	Biểu 1.7
8	Huyện Bình Sơn	5	50,66	7128,0	Biểu 1.8
9	Huyện Minh Long	1	1,6	20,0	Biểu 1.9
	Tổng	41	400,626	458394,8	

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỈNH
 (Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (địa cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (thửa đất số, thửa số)	Quyết định phê duyệt và địa tư năm 2022	Tổng nguồn vốn địa tư	Phần bù kinh phí địa tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bù thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) - 10% + 14	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Hà chữa nước Hồ Vàng	2,50	xã Trại Hiệp	Tổ dân số số 14, 15	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
2	Hà chữa nước Hồ Phèo	2,50	xã Trại Hiệp	Tổ dân số số 25	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
3	Hà chữa nước Bà Chông	2,50	xã Trại Bình và Trại Thọ	Tổ dân số số 1 xã Trại Bình, và Tổ dân số số 11, 17 xã Trại Thọ	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
4	Dự án xây dựng mới hồ chứa Hồ Sơn	18,00	xã Trại Đông	Tổ dân số số 13, 14, 19, 25 và 28 xã Trại Đông	Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 quản lý ngân sách địa phương (đợt 2)	13.800				13.800				Bổ sung KHSD đất
5	Sân vận động xã Trại Bắc	1,00	xã Trại Bắc	Tổ dân số số 12	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	3.500				3.500				Bổ sung KHSD đất
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Trại Bắc - Trại Đông, huyện Sơn Tịnh	0,862	Xã Trại Sơn, Trại Bắc, Trại Đông	Tổ dân số số 15 xã Trại Sơn, Tổ dân số số 12 xã Trại Bắc và Tổ dân số số 26 xã Trại Đông	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện Chương trình quốc gia quốc gia xây dựng đồng thôn mới và một số chương trình, dự án khác	1.300				1.300	0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phần bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bởi thường, hỗ trợ, tài chính cơ						Chi chi	
								Tổng (tr/đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trv...)
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=10+...+14	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		
7	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tịnh	0,300	xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14 xã Tịnh Hà	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao kế hoạch vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước đợt 1 năm 2017			500	500						
8	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc	15,700	xã Tịnh Hà, xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 26, 28 xã Tịnh Hà; tờ số 18, 22, 23 xã Tịnh Sơn	Ngài Quyết số 19/NQ-UBND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho chủ trương đầu tư xây dựng dự án Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh và Công văn số 450/TTg-K.TTH ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội			20.000	20.000						
9	Xây dựng Cầu Bàng Thanh, xã Tịnh Giang	0,600	Xã Tịnh Giang	Tờ bản đồ số 18	Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	20.000		1.500		1.500				Hiện trung đã có cầu và đang giao thông thuận lợi theo hiện trạng	
TỔNG CỘNG		43,96				41.808,00	0,00	27.800,00	20.500,00	28.100,00	0,00	0,00	4,00		

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Cơ sở pháp lý, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã		
1	Chùa Cảnh Tiên	0,22	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 18, xã Nghĩa Thương	Công văn số 2469/UBND-KTN ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh	220							không bồi thường
2	Mô rộng trụ sở làm việc Huyện ủy Tư Nghĩa	0,05	Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 23, TT La Hà	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	3.500			3.500,00				không bồi thường
3	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa	0,60	Xã Nghĩa Hòa	Tờ bản đồ số 09, xã Nghĩa Hòa	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	600							không bồi thường
4	Dương Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	0,25	Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 11, Nghĩa Thương	QĐ số 17061/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	800			800				Bổ sung đoạn còn thiếu Nghĩa Thương
5	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghĩa Kỳ (mô rộng) qua địa bàn huyện Tư Nghĩa	46,98	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 32, 33, 34, 35, 36 xã Nghĩa Kỳ		46.000							
Tổng	Tổng cộng: 05 công trình, dự án	48,16				51120,00	0,00	0,00	4300,00	0,00	0,00		

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Công văn, chủ trương	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú	0,13	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 16,23	Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định 297/QĐ-04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	160,6		160,6				
2	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0,06	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 của xã Đức Lân	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 12/11/2011 của UBND xã Đức Lân và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Đức Lân	1.500,0			900,0	600,0		
Tổng cộng 2 công trình						1.660,55	0,00	160,55	900,00	600,00		

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ
(Xem theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (huyện cấp xã)	Thống kê đầu tư (Triệu đồng)	Vị trí trên bản đồ hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý (các tài liệu, QĐ, ghi vắn, ...)	Dự kiến hình phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chức năng
							Tổng (Tri.đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Đoàn, ngà, ...)	
1	Khu học Nha học Sơn Hà, Quảng Ngãi	0,26	Thị trấn Di Lăng			Quyết định số 145/QĐ-BTC ngày 10/07/2022 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2022 của học Nha học Sơn Hà; Quyết định số 148/QĐ-KBNN ngày 04/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022	1.000,00					1000,00	Nguồn vốn từ nguồn đầu tư phát triển của KBNN
2	Khu tái định cư Xã Lăng	2,0	xã Sơn Nham	15.901,0		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3.000,00	3.000,0					
3	Dự án xây dựng khu tái định cư (Xã Róm, thôn Lăng Rê, xã Sơn Giang)	2,2	xã Sơn Giang	15.901,0		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3.300,00	3.300,0					
4	Nghĩa trang nghĩa dân thôn Lăng Lành (mở rộng)	1,0	xã Sơn Hải	1.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà về việc phân khai chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	100,00	100,00					Vận động dân hiến đất
5	Lập trường cấp nước sinh hoạt thôn Lăng Lành - xã Sơn Hải	0,015	Xã Sơn Hải	5.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà về việc phân khai chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	1.000,00	1.000,00					
6	Sân vận động xã Sơn Linh	1,11665	xã Sơn Linh	4.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà về việc phân khai chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	300,00	300,0					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số thửa) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý (các văn bản, QĐ, ghi vắn,)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Đoanh nghiệp, hỗ trợ...)
7	Nâng cấp đường đê ven biển ấp Nước Mía	0,0045	Tên trấn Di Lăng	1.000,0		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giải đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025	100,00	100,00					Hoàn thiện hệ thống địa chỉ chưa sáng phục vụ cho dân trong Khu tái định cư
	Tổng cộng: 7	6,596		42802,000			8800,000	7800,000			1000,000		

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐẠT NĂM 2022 THÀNHỊ PHỐ QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND) (unit)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vấn	Dự kiến kinh phí bỏi thương, hỗ trợ, tài chính cơ						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Kế chống sạt lở bờ biển thôn Phố Trướng, xã Nghĩa An	1,50	Xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 01, 18, 20	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	100		100					Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh với diện tích 0,5 ha. Đang ký hồ sơ, năm 2022 ha
2	Kế chống sạt lở và làm tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (cầu Trà Khúc 1 - bản Tân Thượng)	6,07	Phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 11, 12	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án	6.000							

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) - (8) - ... + (12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
3	Khu dân cư An Phú (Đào Ngọc)	162,78	Xã Tinh An, phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 8, 9, 10, 12, 13, 14 xã Tinh An; tờ bản đồ số 16, 17, 19, 20 phường Trương Quang Trọng	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	162.000							
4	Trung tâm Thể dục thể thao Trung Thành Long	1,46	Phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Thể dục thể thao Trung Thành Long; Công văn số 5156/UBND-NN/N ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự án vào quy hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa tỉnh	1.460							
5	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Nghĩa Chánh	5,58	Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 5, 56, 57, 58 phường Nghĩa Chánh	UBND thành phố Quảng Ngãi đang ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đầu tư, đầu tư lựa chọn nhà đầu tư	50.000						50.000	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở chứng, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bỏ thường, hỗ trợ, tài chính cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+...+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	Khu dân cư Đông Thiên An	13,75	Xã Tĩnh An	Tờ bản đồ số 1.5.18.22		49.859					49.889	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
TỔNG CỘNG: 6						269.449,00		100,000			99.889,000	

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng)	29,08	Hành Dũng và Hành Thuận	Lũ bản đồ số 02, 03, 06 xã Hành Dũng và 08, 09 xã Hành Thuận	Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	29.000						
2	Đường huyện DH.59C	3,10	Xã Hành Thuận, Hành Đức và TT Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 11, 17 xã Hành Thuận; Tờ bản đồ số 01 xã Hành Đức và tờ bản đồ số 01, 12, 17, 22 thị trấn Chợ Chùa	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường huyện DH.59C.; Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao chỉ giá kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.	3.100						
3	Khu dân cư phía Tây Đường Trành Đông, xã Hành Thuận	4,20	Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 17 xã Hành Thuận	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư phía Tây Đường Trành Đông, xã Hành Thuận; Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao chỉ giá kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	4.200						
Tổng	Tổng cộng: 3 công trình, dự án	36,38				36300,00	0,00	0,00	0,00			

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở tương ứng, Quyết định, ghi vôn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Khu đô thị phía Đông đường Nguyễn Tất Thành	18,9	phường Phố Minh và phường Phố Vinh	Từ bản đồ địa chính số 17 phường Phố Minh và tờ số 12, 17 phường Phố Vinh	Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh sơ với HĐND tỉnh giao năm 2021	18000					18000	Để thực hiện đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2	Khu tái định cư phục vụ dự án triển tư hệ thống thoát nước Khu vực đô thị (từ Cầu Bàu đến Sông Kôn)	0,70	Xã Phố Hoà	Tờ số 5	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình M1/QG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	117,80		117,80				
3	Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phố Cường - Phố Khánh	0,40	xã Phố Khánh	Tờ số 49	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình M1/QG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	24.000		19.200	4.800			
TỔNG: 3		20,00				42117,80		19317,80	4800,00			

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vấn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vào khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +(10)+(11) +(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Trĩ Bình, xã Bình Nguyễn	0,28	xã Bình Trung, xã Bình Nguyễn	xã Bình Trung; tờ bản đồ số 22, 23; xã Bình Nguyễn; tờ bản đồ số 9, 21	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung năm 2022 vốn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	580		580						
2	Khu đô thị mới phía Tây đường Phạm Văn Đồng	45,00	xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô	xã Bình Trung; tờ bản đồ số 17, 18; thị trấn Châu Ô; tờ bản đồ số 42		45000								Để thực hiện đầu tư lựa chọn nhà đầu tư
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường; Hàng mục mái taluy (phần bổ sung năm ngoài quy hoạch sử dụng đất)	1,53	xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 13, 14, 19, 20, 21, 29 và 30	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/11/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án	70000		70000						Bổ sung KHSDD theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 338/UBND-KTTH ngày 11/7/2022 (phần diện tích này chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách đình	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +(10)+(11) +(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
4	Khu dân cư trung tâm xã Bình Trung	3,80	xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 17, xã Bình Trung	UBND huyện Bình Sơn đang ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đầu thầu, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư	500000					500000,00		
5	Nút giao Quốc lộ 1A dự án Khu dân cư Đông Nam thị trấn Châu Ô	0,05	thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 29	Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 và được UBND tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh Quyết định chấp thuận đầu tư dự án tại Quyết định số 683/QĐ- UBND ngày 19/10/2020	9.200,00					9200,000		
Tổng cộng: 5						71280	0	7580	0	0	59200		

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Sơn Châu, xã Long Sơn, huyện Minh Long	1,6	Xã Long Sơn	Tờ bản đồ số 37,48,59,60, T1 lệ 1/1000 xã Long Sơn	QĐ số 685/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình kè chống sạt lở bờ sông thôn Sơn Châu, xã Long Sơn, huyện Minh Long; Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	20.000			20.000			
Tổng: 1						20,00	0,00	0,00	20,00	0,00	0,00	

Biểu 02:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPII (ha)	
1	Huyện Sơn Tịnh	7	27,66	5,13		Biểu 2.1
2	Huyện Tư Nghĩa	2	12,86	4,62		Biểu 2.2
3	Huyện Mộ Đức	3	15,49	0,16		Biểu 2.3
4	Huyện Sơn Hà	3	2,51665	0,5479	0,00362	Biểu 2.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	1	13,75	1,05		Biểu 2.5
6	Huyện Nghĩa Hành	3	8,72	3,98		Biểu 2.6
7	Thị xã Đức Phổ	24	199,78	83,39		Biểu 2.7
8	Huyện Bình Sơn	2	1,812	0,2199		Biểu 2.8
9	Huyện Ba Tơ	2	10,72	5,67		Biểu 2.9
Tổng			293,30865	104,7678	0,00362	

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG BẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN SON TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Hồ chứa nước Hồ Vàng	2,50	0,98	0,00	Tỉnh Hiệp	Tờ Bản đồ số 14,15		
2	Hồ chứa nước Hồ Đào	2,50	0,79	0,00	Tỉnh Hiệp	Tờ Bản đồ số 25		
3	Hồ chứa nước Đá Chông	2,50	0,82	0,00	Tỉnh Bình và Tỉnh Thọ	Tờ Bản đồ số 1 xã Tỉnh Bình; và Tờ Bản đồ số 11, 17 xã Tỉnh Thọ		
4	Dự án xây dựng mới hồ chứa Hồ Sâu	18,00	1,75		xã Tỉnh Đông	Tờ bản đồ số 13, 18, 19, 25 và 28 xã Tỉnh Đông		
5	Sân vận động xã Tỉnh Bắc	1,00	0,41	0,00	xã Tỉnh Gác	Tờ bản đồ số 12, xã Tỉnh Bắc		
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Tỉnh Bắc – Tỉnh Đông, huyện Sơn Tỉnh	0,862	0,084	0,00	Xã Tỉnh Bắc	Tờ bản đồ số 12, xã Tỉnh Bắc		
7	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tỉnh	0,300	0,300	0,00	Tỉnh Hà	Tờ bản đồ số 14, xã Tỉnh Hà		
	Tổng cộng	27,66	5,13	0,00				

Biểu 2.2

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Chùa Cảnh Tiên	0,22	0,12		Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 18	
2	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa)	12,64	4,50		xã Nghĩa Điền	Tờ bản đồ số 4,9,10	QB chấp thuận chủ trương đầu tư 847/QĐ-UBND ngày 03/8/2022. Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
Tổng cộng: 2		12,86	4,62				

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỎI
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND) ngày:/...../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chú chú
			Diện tích đất L.1.A (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, gia đoạn III	15,53	0,04	0,0	Xã Đức Chánh và Đức Minh	Tờ bản đồ số 08, 09, 16, xã Đức Chánh; Tờ bản đồ số 01, 04, 09, 10, 13, 16, 20, 21, 24 xã Đức Minh	Đã phê duyệt Kế hoạch Sử dụng đất tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú	0,13	0,06	0,0	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 16,23	
3	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0,06	0,06	0,0	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 của xã Đức Lân	
Tổng cộng có 03 công trình		15,49	0,16	0,00			

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN SON HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/.../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó:		Địa điểm (quên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý (các chủ trương, QĐ, ghi vắn,)	Ghi chú
			Đất LUA	Đất RPH				
1	Cầu Sàng Tang (Sơn Bào)	0,90	0,0337		xã Sơn Bào	668542 xã Sơn Bào	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ số 1391 ngày 31/12/2021	
2	Công trình tiêu dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,50	0,0342	0,00362	các xã		Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Sơn Hà tại QĐ số 149 ngày 13/3/2020	
3	Sân vận động xã Sơn Linh	1,11665	0,4800		xã Sơn Linh		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	
Tổng cộng: 3		2,51665	0,5479	0,00362				

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trung đó		Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chú chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư Đông Thiên Ân	13,75	1,05		Xã Tinh An	Tờ bản đồ số 1, 5, 18, 22	
TỔNG CỘNG: 1		13,75	1,05	0,00			

Biểu 2.6

**DANH MỤC BỜ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG
HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HẠNH**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đi dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường; Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành. Địa điểm thực hiện: Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành (khó tìm định cụ thể Thuận)	1,42	0,72		Xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 04, 11, 12 xã Hành Thuận	
2	Dường huyện DH.59C	3,10	0,71		Xã Hành Thuận, Hành Đức và TT (Sông Cầu)	Tờ bản đồ số 11, 17 xã Hành Thuận; Tờ bản đồ số 01 xã Hành Đức và tờ bản đồ số 01, 12, 17, 22 thị trấn Chèo (tỉnh)	
3	Khu dân cư phía Tây Đường Thành Đông, xã Hành Thuận	4,20	2,55		Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 17 xã Hành Thuận	
Tổng cộng: 3		8,72	3,98				

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG
NGHIỆP NĂM 2022 CỦA THỊ XÃ ĐỨC PHƯỚC**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tư bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chức năng
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	(5)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Khu dân cư An Hưng Phát	2,85	1,00			Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 30, 31	Thực hiện hòa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
2	Khu dân cư phía Đông chi cục thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tơ	4,47	3,09			Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 13, 14, 16, 17	Thực hiện hòa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
3	Khu dân cư Nam Hưng Vương	12,76	2,00			Phường Phố Hòa	Tờ bản đồ số 4, 10, 11, 14	Thực hiện hòa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
4	Khu dân cư Vĩnh Hòa	8,86	8,02			Phường Phố Hòa	Tờ bản đồ số 5, 6	Thực hiện hòa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
5	Khu dân cư Hòa Bình	9,99	5,70			Phường Phố Hòa	Tờ bản đồ số 4, 5, 14	Thực hiện hòa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan

6	Khu dân cư phía Tây đường Phạm Văn Đồng và chính trang đô thị Đức Phổ	4,70	3,41		Phường: Phố Hòa, Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 3, 4 phường Phố Hòa; Tờ bản đồ số 32 phường Nguyễn Nghiêm	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
7	Khu dân cư An Trường và chính trang đô thị Đức Phổ	9,61	8,00		Phường: Phố Hòa, Phố Vinh	Tờ bản đồ số 11 phường Phố Vinh; Tờ bản đồ số 6, 15 Phường Phố Hòa	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
8	Khu đô thị phía Bắc đường Ngô Quyền	6,93	5,36		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 10, 11	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
9	Khu dân cư đường Võ Trung Thành	9,76	8,14		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 13, 16	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
10	Khu đô thị Ngọc Thăng Happy House và chính trang đô thị Đức Phổ	10,00	9,01		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 5	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
11	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Cường	39,90	1,76		Xã Phố Cường	Tờ bản đồ số 17, 27, 28	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
12	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Phong	25,00	0,16		Xã Phố Phong	Tờ bản đồ số 10, 11, 20	Thực hiện hòa chọn nhà đất tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan

13	Khu dân cư Tam Bảo	8,60	7,61		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 16, 17	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
14	Khu dân cư Đông Tam Bảo, xã Phố An, thị xã Đức Phổ	5,24	5,24		Xã Phố An	Tờ bản đồ số 8, 11, 13	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
15	Khách sạn và Siêu thị Hưng Phát Thành	0,04	0,04		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 13	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
16	Khu dịch vụ và khách sạn Vy Phương	0,70	0,7		Phường Phố Ninh	Tờ BD số 5	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Dưng Vy	15,22	0,09		Phường Phố Thành	Tờ bản đồ số 1, 2, 5	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
18	Khu dịch vụ Nhà hàng Phi Bảo	0,52	0,52		Phường Phố Vinh	Tờ bản đồ số 23	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
19	Khu dịch vụ Thương mại Đất Vàng	0,54	0,54		Xã phố Châu	Tờ BD số 18	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan

20	MAR của hàng xăng dầu số 20	0,25	0,25		Xã Phố Châu	Tờ BID số 24,25	
21	Trường Trung cấp văn hóa du lịch	2,14	2,14		Xã Phố Cường	Tờ bán đồ số 18	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
22	Trạm Trung chuyển hàng hóa và mua bán phụ tùng ô tô	0,30	0,30		Xã Phố Khánh	Tờ bán đồ số 35	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
23	Khu tái định cư phục vụ dự án Dầu tư hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ Cầu Bàu đến Sông Rổ)	0,70	0,37		Phường Phố Hòa	Tờ bán đồ số 5 Phường Phố Hòa	
24	Đầu tư hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Rổ)	20,70	9,94		Phường: Phố Hòa, Phố Minh, Nguyễn Nghiêm	Tờ số 4,5,6 phường Phố Hòa; tờ số 29, 32 phường Nguyễn Nghiêm; tờ số 13, 14, 16 phường Phố Minh	
24	Tổng cộng: 24		199,78	83,39			

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất KPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Trĩ Bình, xã Bình Nguyễn	0,28		0,09		xã Bình Nguyễn	Tờ bản đồ số 9	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Yên Trường: Hàng mục mái taluy (phần bổ sung năm ngoài quy hoạch sử dụng đất)	1.532	0,12999			xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 13, 14, 19, 20, 21, 29 và 30	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/11/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương
Tổng cộng: 2		1.812	0,21999	0,09				

Biểu 2.9

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
1	Khu dân cư đô thị mới Ba Tơ	10,0	4,95			thị trấn Ba Tơ	Tờ 2, 5, 6, 7 BĐDC thị trấn Ba Tơ	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh và được phê duyệt trong KISID năm 2022 huyện Ba Tơ theo Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
2	Cửa hàng xăng dầu Ba Bích	0,72	0,72			xã Ba Bích	Tờ 5 BĐDC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Bích	Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Cửa hàng xăng dầu Ba Bích
Tổng cộng: 2		10,720	5,670					

Biểu 03:

**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	3	0,4	Biểu 3.1
2	Thị xã Đức Phổ	1	0,66	Biểu 3.2
3	Thành phố Quảng Ngãi	2	2,2	Biểu 3.3
4	Huyện Bình Sơn	1	1,95	Biểu 3.4
Tổng		7	5,21	

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRƯỚC NĂM 2019 XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TINH**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đà thu hồi	Chưa thu hồi	Đà giao	Chưa giao		
1	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nhâm, Ngãi; hạng mục: Kênh B4	0.1300	xã Tinh Sơn	Từ 0,05 ha <i>thành</i> <i>0,1049 ha</i>	0	0.13	0,00	0,00	0,13	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thủy Lợi 7 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xin chuyển mục đích và giao đất của dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu bổ sung KHSD đất năm 2022 và bổ sung phần diện tích đất trồng lúa nước tăng thêm so với diện tích đất trồng lúa nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	<i>Kế hoạch sử dụng đất năm 2018</i>
2	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nhâm, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh BBM1-C2	0.1000	xã Tinh Hiệp	Từ 0,4 ha <i>thành</i> <i>0,8158 ha</i>	0	0.10	0,00	0,00	0.10	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thủy Lợi 7 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xin chuyển mục đích và giao đất của dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu bổ sung KHSD đất năm 2022 và bổ sung phần diện tích đất trồng lúa nước tăng thêm so với diện tích đất trồng lúa nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	<i>Kế hoạch sử dụng đất năm 2018</i>

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Chú chú		
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao				
3	Xây dựng chùa Pháp Hoa	0,17	xã Tịnh Hà	0,00	0,00	0,10	0,07	0,00	0,00	0,00	0,23	Chùa Pháp Hoa là công trình tôn giáo tín ngưỡng. UBND huyện đã nhiều lần giải quyết, đơn kiến nghị của Ban hộ tự chùa Pháp Hoa và đã có Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh về tình hình thực hiện thủ tục đất đai để xây dựng Chùa Pháp Hoa. Theo ý kiến của Sở Xây dựng tại Công văn số 170/SXD-QHKT ngày 16/01/2018 và Ban Hộ tự chùa thì diện tích xây dựng 509m ² và hình thể tam giác không đảm bảo xây dựng chùa. Do đó, thời gian qua không thể triển khai thực hiện được, đến nay đã thống nhất diện tích quy hoạch 2.500m ² để đảm bảo điều kiện xây dựng chùa. Ban Hộ tự chùa có đơn kiến nghị rất nhiều lần liên quan đến KLIISD đất để xây dựng chùa, UBND huyện kính đề nghị các cấp tiếp quan quan tâm, xem xét giải quyết	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018
TỔNG CỘNG:				0,40	0,00	0,00	0,00	0,33	0,07	0,00	0,23		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỒ

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/.../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Tình hình giao đất		Lý do xin tiếp tục thực hiện giao đất, cho thuê đất trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Khu Dịch vụ Gia Bảo	Phường Phố Mình	0,66	0,66				Dự án được UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 29/7/2022, theo đó tiến độ thực hiện dự án được điều chỉnh đến quý II/2023	KHSDD 2019	
Tổng cộng: 1			0,66							

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THÀNHỊ PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (tên cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hỏi	Chưa thu hỏi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước									
1	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	1,82	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An, xã Tịnh An Đông	1,75	0,07		1,82	Đề tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022	2019
2	Đường Mạc Đình Chi (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Cư Trinh)	0,38	Phường Lê Hồng Phong	0,01	0,37		0,38	Đề tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022	2019
TỔNG CỘNG: 2				1,76	0,44		2,20		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SON

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

Stt	(1)	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Tình hình giao đất		Lý do xin tiếp tục thực hiện giao đất, cho thuê đất trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
1	Mô rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyễn (giai đoạn 3)	xã Bình Nguyễn, xã Bình Trung	1,95	0,50	1,30	0,65			Đãng ký thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất trong Cụm công nghiệp Bình Nguyễn	KHSDD 2019
Tổng cộng: 1			1,95							

Biểu 04:

**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN
TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	6	22,95	Biểu 4.1
2	Huyện Sơn Hà	2	6,23215	Biểu 4.2
3	Huyện Minh Long	2	1,92	Biểu 4.3
Tổng		10	31,10215	

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA
TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TINH**

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Đất lúa	Trong đó				Lý do xin điều chỉnh diện tích đất trồng lúa	Chi chú
					Đã thu hồi đất	Chưa thu hồi đất	Đã giao đất	Chưa giao đất		
1	Khu dân cư OM6	Xã Tinh Hà và Tinh Sơn	10,3100	Từ 6,10 ha thành 6,5812ha	Đã thu hồi giai đoạn 1 là 4,5502ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,5752ha	5,7598 ha; trong đó có 3,006ha đất trồng lúa	Đã chuyển mục đích và giao đất giai đoạn 1 là 4,5502ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,5752ha	5,7598	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022, phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê thực tế và bản đồ do vẽ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định	Bổ sung 0,4812 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
2	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nhâm, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh B4	xã Tinh Sơn	0,1400	Từ 0,05 ha thành 0,1049 ha	Đã thu hồi 0,1400 ha, trong đó có 0,1049 ha đất trồng lúa	0,0	0,0	0,0	Bổ sung diện tích đất trồng lúa nước 0,0549 ha để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa nước theo quy định	Bổ sung 0,0549 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
3	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nhâm, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh BBM1-C2	xã Tinh Hiệp	1,0000	Từ 0,4 ha thành 0,8158 ha	Đã thu hồi 1,0 ha, trong đó có 0,8158 ha đất trồng lúa	0,0	0,0	0,0	Bổ sung diện tích đất trồng lúa nước 0,4158 ha để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa nước theo quy định	Bổ sung 0,4158 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022

4	Khu dân cư Vĩnh Tháo xã Tịnh Thọ (nay đổi tên thành Khu tái định cư Vĩnh Tháo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ, giai đoạn 1)	Xã Tịnh Thọ	4,0000	bổ sung 0,8185ha, từ 2,51ha thành 3,3285ha	4,0030ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,3285ha	0,0168	0,0000	4,0000	Điều chỉnh tên theo đúng Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh, hiện nay dự án đã hoàn thành công tác thu hồi đất; trong đó, diện tích đất trồng lúa đã được Sở TN&MT tỉnh xác nhận tại Công văn số 5475/STNMT-QLĐĐ ngày 12/11/2021.	Bổ sung 0,8185ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
5	KDC số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	xã Tịnh Bình	0,6000	bổ sung 0,08ha, từ 0,49ha thành 0,57ha	0,0000	6,0	0,0	0,6	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022 và phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê theo thực tế	Bổ sung 0,08 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B-Tỉnh Thọ (Bình Hiệp-Tịnh Trà) (BH20)	xã Tịnh Hòa, Tịnh Thọ	6,9000	bổ sung 0,79ha, từ 0,51ha thành 1,3ha		6,9		6,9	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022 và phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê theo thực tế	Bổ sung 0,79 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
TỔNG CỘNG			22,95			12,92		17,26		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ
(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH1 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
1	Dự án ngoài ngân sách nhà nước					
1	Khu dân cư Hưng Hà	6,04	Thị trấn Di Lãng	Thuộc mảnh bản đồ địa chính số 665548-3 thị trấn Di Lãng, huyện Sơn Hà	Xin điều chỉnh tên Dự án: "Khu dân cư 1trường Đảng" thành "Khu dân cư Hưng Hà" theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Hưng Hà.	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sơn Hà tại QĐ số 886/QĐ-UBND ngày 22/9/2021
1	Kê chônng sạt lở Tả Man nối tiếp tại Km0+67 đến Km0	0,19215	Thị trấn Di Lãng	Tờ bản đồ địa chính cơ sở 665548 thị trấn Di Lãng	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sơn Hà tại QĐ số 110/QĐ- UBND ngày 02/3/2021 với diện tích là 0,19 ha; Nhưng theo hiện trạng của công trình phải mở rộng chân kê taluy để đảm bảo an toàn nên xin điều chỉnh tăng diện tích đất thu hồi là 0,00215 ha, thành tổng diện tích quy hoạch là 0,19215 ha	
Tổng: 2		6,23215				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022 của HĐND tỉnh,

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
1	Dương hồ tá sông Phước Giang (giai đoạn 2)	1,6	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 56,62,50,57; tờ bản đồ số 66 tỉ lệ 1/1000	Công trình Dương hồ tá sông Phước Giang (giai đoạn 2), STT 7, Công trình đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Minh Long với diện tích 0,55ha. Năm 2022, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh diện tích quy hoạch bổ sung 1,05ha tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Nay xin bổ sung 0,64ha đất lúa và tờ bản đồ số 66 tỉ lệ 1/1000 để phù hợp với thực tế. Làm cơ sở triển khai thực hiện dự án theo quy định.	Đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Sân bóng đá nhân tạo nhân tạo kết hợp bể bơi	0,32	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10	Công trình được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với diện tích 0,32ha; thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 với diện tích 0,32ha, diện tích đất lúa là 0,22ha. Nay xin bổ sung thêm 0,275ha đất lúa sơ với diện tích đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh để phù hợp với thực tế làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định	Đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 17/5/2022.
Tổng: 2		1,92				